BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Số: 297 /QĐ-QLD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục 404 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 154

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3861/QĐ-BYT ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BYT ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế qui định việc đăng ký thuốc,

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp số đăng ký lưu hành thuốc Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 404 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 154.

Điều 2. Công ty sản xuất và công ty đăng ký có thuốc lưu hành phải in số đăng ký được Bộ Y tế cấp lên nhãn thuốc và phải chấp hành đúng các quy chế có liên quan tới sản xuất và lưu hành thuốc. Các số đăng ký có ký hiệu VD-...-16 có giá trị 05 năm kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giám đốc công ty sản xuất và công ty đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- TT. Lê Quang Cường (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ CA;
- Cục Y tế giao thông vận tải- Bộ GTVT;
- Tổng Cục Hải Quan- Bộ Tài Chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Y Dược cổ truyền, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế; Thanh tra Bộ Y tế;
- Viện KN thuốc TƯ và VKN thuốc TP.HCM;
- Tổng Công ty Dược VN;
- Các bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc BYT;
- Website của Cục QLD, Tạp chí Dược Mỹ phẩm - Cục QLD;
- Lưu: VP, KDD, ĐKT (12b).

CỤC TRƯỞNG

Trương Quốc Cường

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC 404 THUỐC ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 154
Ban hành kèm theo quyết định số: 217../QĐ-QLD, ngày 15../7../....2016

1. Công ty đăng ký: Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150 *(Đ/c: 112 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

1.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150 *(Đ/c: 112 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Cefaclor 125 mg	Mỗi gói 1,5g chứa Cefaclor 125 mg	Bột pha hỗn dịch uống	30 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 1,5g	VD-24664-16
2	Dianragan 500	Paracetamol 500 mg	Viên nang cứng	36 tháng	DĐVN IV	Chai 200 viên; Chai 500 viên	VD-24665-16
3	Zincap 125	Mỗi gói 4g chứa Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 125 mg	Bột pha hỗn dịch uống	30 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4 gam	VD-24666-16

2. Công ty đăng ký: Cơ sở sản xuất đông dược Cửu Long *(Đ/c: 28 Huỳnh Phan Hộ, Trà An, Bình Thủy, Cần Thơ - Việt Nam)*

2.1 Nhà sản xuất: Cơ sở sản xuất đông dược Cửu Long *(Đ/c: 28 Huỳnh Phan Hộ, Trà An, Bình Thủy, Cần Thơ - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Đại tràng K9	Cao đặc vàng đắng (tương đương 1200mg bột vàng đắng) 120mg; Cao mật heo 10mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Chai 50 viên	VD-24667-16

3. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần BV Pharma *(Đ/c: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây-Huyện Củ Chi-Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

3.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần BV Pharma *(Đ/c: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây-Huyện Củ Chi-Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	Bivinadol 500	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	48 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 200 viên; Chai 500 viên; Chai 1000 viên	VD-24668-16
6	Dextromethorphan - BVP	Dextromethorphan hydrobromid 0,2g/100ml	Dung dịch uống	36 tháng	TCCS	Chai 60ml, chai 100ml.	VD-24669-16
7	Ích khí sinh tân SXH	Mỗi gói 4g chứa cao khô dược liệu (tương ứng: Nhân sâm 6g; Mạch môn 6g; Ngũ vị tử 4g) 1,8g	Cốm tan	24 tháng	TCCS	Hộp 15 gói x 4g (gói giấy ghép nhôm)	VD-24670-16
8	Irbepro 150	Irbesartan 150mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24671-16
9	Lisazin 20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24672-16
10	Thanh nhiệt giải độc SXH	Mỗi gói 5,5g chứa cao khô dược liệu (tương ứng: Tang diệp 4g; Cúc hoa 4g; Kim ngân hoa 4g; Liên kiều 4g; Bạc hà 2g; Cát cánh 2g; Mạch môn 2,7g; Hoàng cầm 2,7g; Quả dành dành 2,7g) 3,35g	Cốm tan	24 tháng	TCCS	Hộp 15 gói x 5,5g (gói giấy ghép nhôm)	VD-24673-16
11	Thập toàn đại bổ - BVP	Mỗi 100ml cao lỏng chứa chất chiết được từ 76g các dược liệu khô sau: Hoàng kỳ 8g; Bạch thược 8g; Phục linh 8g; Bạch truật 8g; Quế 4g; Cam thảo 2g; Thục địa 12g; Nhân sâm 8g; Xuyên khung 6g; Đương quy 12g	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 100 ml (chai nhựa PET màu nâu hoặc chai thủy tinh màu nâu)	VD-24674-16

12	Vitatrum - B Complex	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) 5mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 2mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 2mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 20mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 100 viên, chai 500 viên.	VD-24675-16

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà *(Đ/c: 415- Hàn Thuyên - Nam Định - Việt Nam)*

4.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà *(Đ/c: 415- Hàn Thuyên - Nam Định - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	Coldi-B	Mỗi lọ 15 ml chứa: Oxymetazolin hydroclorid 7,5 mg; Menthol 1,5 mg; Camphor 1,1 mg	Dung dịch xịt mũi	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 15 ml	VD-24676-16
14	Naphacollyre	Mỗi 100 ml chứa: Natri sulfacetamid 10 g; Chlorpheniramin maleat 20 mg; Naphazolin nitrat 2 mg; Berberin hydroclorid 2 mg	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 10 ml, hộp 1 lọ 8 ml	VD-24677-16
15	Vimaxx Lights	Mỗi lọ 15 ml chứa Natri clorid 33 mg	Dung dịch nhỏ mắt	30 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 15 ml	VD-24678-16

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược ATM *(Đ/c: 89F, Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp Hà Nội - Việt Nam)*

5.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh *(Đ/c: 167 Hà Huy Tập, tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
16	Prohibit suspension	Mỗi gói 2,5g chứa: Ciprofloxacin (dưới	Thuốc bột pha hỗn	36 tháng	TCCS	Hộp 12 gói x 2,5g	VD-24679-16

		dạng Ciprofloxacin HCl) 250mg	dịch uống				

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Danapha *(Đ/c: 253 - Dũng Sĩ Thanh Khê - Quận Thanh Khê - Tp. Đà Nẵng - Việt Nam)*

6.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Danapha *(Đ/c: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, tp. Đà Nẵng - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Aminazin 25mg	Clorpromazin hydroclorid 25mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 500 viên, hộp 10 vỉ x 20 viên	VD-24680-16
18	Daglitin	Cholin alfoscerat 1g/4ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 ống x 4 ml	VD-24682-16
19	Furosol	Furosemid 20mg/2ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 ống x 2ml	VD-24683-16
20	Lepigin 100	Clozapin 100mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24684-16
21	Levomepromazin 25 mg	Levomepromazin (dưới dạng Levomepromazin maleat) 25mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 100 viên, hộp 5 vỉ x 20 viên	VD-24685-16
22	Phenobarbital 100mg	Phenobarbital 100mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 100 viên	VD-24686-16
23	Zolotaya Zvezda	Mỗi gói 15g chứa: Paracetamol 325mg; Phenylephrin hydroclorid 10mg; Pheniramin maleat 20mg	Thuốc bột	24 tháng	TCCS	Hộp 5 gói; hộp 10 gói	VD-24687-16
24	Zvezdochka Nasal Drops 0,1%	Mỗi 10ml chứa: Xylometazolin hydroclorid 10mg	Dung dịch nhỏ mũi	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 10ml	VD-24688-16

6.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Danapha *(Đ/c: Khu công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Artisonic New	Cao khô Actiso (tương ứng hàm lượng cynarin ≥	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 100 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24681-16

		2,5%) 100 mg; Cao khô rau đắng đất (tương ứng 500mg Rau đắng đất) 75 mg; Cao khô Bìm bìm biếc (tương ứng 75 mg Hạt bìm bìm biếc) 5,3 mg					

7. **Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Đồng Nai.** *(Đ/c: 221B Phạm Văn Thuận, p. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)*

7.1 **Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Đồng Nai.** *(Đ/c: 221B Phạm Văn Thuận, p. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Ponaicef	Ofloxacin 200mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên, chai 100 viên, chai 200 viên	VD-24689-16

8. **Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Hậu Giang** *(Đ/c: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ , P. An Hoà, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Việt Nam)*

8.1 **Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hậu Giang** *(Đ/c: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ , P. An Hoà, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
27	CedroDHG 250	Mỗi gói 1,5g chứa: Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat) 250mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 24 gói x 1,5g	VD-24690-16
28	Hafixim 100	Mỗi gói 1,5g chứa: Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 24 gói x 1,5g	VD-24691-16

9. **Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Minh Hải** *(Đ/c: 322 Lý Văn Lâm, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau - Việt Nam)*

9.1 **Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Minh Hải** *(Đ/c: 322 Lý Văn Lâm, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
29	Clonbate	Mỗi tuýp 15g kem chứa: Clobetasol propionate 7,5mg	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 15g	VD-24692-16

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 *(Đ/c: 299/22 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

10.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 *(Đ/c: 930 C4, Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, Cụm 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Q.2, TP HCM. - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
30	Acemol fort	Acetaminophen 650 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24693-16
31	Betalgine	Vitamin B1 (Thiamin nitrat) 125 mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 125 mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 125 mcg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 80 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24694-16

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm 3/2 *(Đ/c: 10 Công Trường Quốc Tế, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

11.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 *(Đ/c: Số 930 C2, Đường C, KCN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	Calyptin F	Eucalyptol 200mg	Viên nang mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24695-16
33	Eftimol 30	Paracetamol 500mg; Codein phosphat hemihydrat 30mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24696-16
34	Enafran 5	Enalapril maleat 5mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-24697-16
35	Finasteride	Finasterid 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24698-16
36	I-Zine	Mỗi 6 ml chứa: Tetrahydrozolin	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 6 ml	VD-24699-16

		hydroclorid 3mg					
37	Vitamin B1 F.T Pharma	Thiamin nitrat 250mg	Viên nén bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 8 viên	VD-24700-16

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm *(Đ/c: 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang - Việt Nam)*

12.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm *(Đ/c: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
38	Agichymo	Chymotrypsin (tương đương 4200 đơn vị Chymotrypsin USP) 4,2 mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên	VD-24701-16
39	Agimdogyl	Spiramycin 0,75 M IU; Metronidazol 125 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên	VD-24702-16
40	Agimoti	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat) 10 mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24703-16
41	Aginolol 50	Atenolol 50 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24704-16
42	Agi-vitac	Acid ascorbic 500 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24705-16
43	Agoflox	Ofloxacin 200 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24706-16
44	Ihybes-H 300	Irbesartan 300 mg; Hydroclorothiazid 12,5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên	VD-24707-16
45	Nystatab	Nystatin 500.000 IU	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên	VD-24708-16
46	Ostagi 70	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat mononatri trihydrat) 70 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 2 viên	VD-24709-16
47	Pantagi	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat) 40 mg	Viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24710-16
48	Racedagim 10	Mỗi gói 1g chứa	Thuốc cốm	24	TCCS	Hộp 10 gói x 1	VD-24711-16

		500mg					
103	Medsidin 125	Mỗi gói 1,5g chứa: Cefdinir 125mg	Thuốc bột để uống	24 tháng	USP 36	Gói x 1,5g. Hộp 12 gói, hộp 20 gói, hộp 50 gói và hộp 100 gói	VD-24762-16

21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây *(Đ/c: 10A - Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội - Việt Nam)*

21.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây *(Đ/c: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - Tp. Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
104	Faszeen	Mỗi gói 2,5g chứa: Cefradin 250 mg	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 2,5g	VD-24767-16
105	Godartem	Artemether 80 mg; Lumefantrin 480 mg	Viên nén	36 tháng	IP 5	Hộp 1 vỉ x 6 viên	VD-24768-16
106	Hadozyl	Spiramycin 750000IU; Metronidazol 125mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-24769-16
107	Mecabamol	Methocarbamol 750mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-24770-16
108	Mezagastro	Nizatidin 150 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24771-16
109	Pacemin	Paracetamol 325mg; Clorpheniramin maleat 2mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 50 vỉ x 10 viên	VD-24772-16
110	Podocef	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-24773-16
111	Podus	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-24774-16
112	Podus	Mỗi gói 1,5g chứa: Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 1,5 gam	VD-24775-16
113	Polydoxancol	Mỗi lọ 5ml chứa: Dexamethason natri phosphat 5mg; Naphazolin nitrat 2,5mg;	Thuốc nhỏ mắt, mũi	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 5ml	VD-24776-16

		Cloramphenicol 25mg					
114	Safetamol120	Mỗi ống 5ml chứa: Paracetamol 120 mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống x 5ml	VD-24777-16
115	TH-Acetinde	Mỗi gói 1 gam chứa: Acetylcystein 100mg	Thuốc bột uống	24 tháng	TCCS	Hộp 30 gói x 1,0 gam	VD-24778-16

22. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng *(Đ/c: 71 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng - Việt Nam)*

22.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng *(Đ/c: Số 1 Tây Sơn, Kiến An, Hải Phòng - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
116	Ofloxacin 0,3%	Ofloxacin 15mg/5ml	Thuốc nhỏ mắt	24 tháng	DĐVN IV	Hộp 1 lọ x 5ml	VD-24779-16
117	Zyfacol	Kẽm sulfat 50mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	DĐNV IV	Hộp 1 lọ x 10ml	VD-24780-16

23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM *(Đ/c: 04- đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)*

23.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM *(Đ/c: 04- đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
118	Chlorpheniramine maleate 4mg	Clorpheniramin maleat 4mg	Viên nén bao phim	48 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 20 viên, chai 200 viên, chai 1000 viên	VD-24781-16
119	Doxyclin	Doxycyclin (dưới dạng Doxycyclin hyclat) 100mg	Viên nang cứng (xanh-xanh)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24782-16
120	Mexcold 500	Paracetamol 500mg	Viên nén	48 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên, chai 200 viên, chai 500 viên	VD-24783-16
121	Ospamox 250 mg (CSNQ: Sandoz GmbH - Địa chỉ: Biochemiestrabe 10, A-6250 Kundl, Austria)	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg	Viên nang cứng (vàng - vàng)	48 tháng	TCCS	Hộp 100 vỉ x 10 viên	VD-24784-16

		dạng cefuroxim natri) 0,75 g	pha tiêm	tháng		dung tích 20 ml; hộp 10 lọ loại dung tích 15 ml	
139	Cotrimoxazol 480mg	Sulfamethoxazol 400 mg; Trimethoprim 80 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 20 vỉ x 20 viên	VD-24799-16
140	Naphazolin 0,05%	Naphazolin hydroclorid 2,5mg/5ml	Thuốc nhỏ mũi	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 5 ml, hộp 1 lọ 10 ml	VD-24802-16
141	Netilmicin 150mg/3ml	Mỗi 3 ml dung dịch chứa Netilmicin (dưới dạng Netilmicin sulfat) 150 mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 ống x 3 ml	VD-24803-16
142	Nước cất tiêm 10 ml	Nước để pha thuốc tiêm 10 ml	Dung môi pha tiêm	48 tháng	DĐVN IV	Hộp 50 ống x 10 ml	VD-24804-16
143	Salbutamol 2mg	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulphat) 2 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24806-16
144	Sefonramid	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1,0 g;	Thuốc bột pha tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ dung tích 20 ml	VD-24807-16
145	Vitamin C 1000mg/5ml	Acid ascorbic 1000mg/5ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 5 ống x 5 ml	VD-24808-16

27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm OPC. *(Đ/c: 1017 Hồng Bàng - quận 6 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

27.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC *(Đ/c: Số 09/ĐX 04-TH, tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp - Tân Uyên - Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
146	Cam thảo (phiến)	Cam thảo	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 10g; 15g; 20g; 25g; 30g; 50g; 100g; 200g; 250g; 500g; 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 10kg	VD-24809-16
147	Cát cánh (phiến)	Cát cánh	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 10g; 15g; 20g; 25g; 30g; 50g; 100g; 200g; 250g;	VD-24810-16

						500g; 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 10kg	
148	Câu kỷ tử	Câu kỷ tử	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 10g; 15g; 20g; 25g; 30g; 50g; 100g; 200g; 250g; 500g; 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 10kg	VD-24811-16
149	Đại táo	Đại táo	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 10g; 15g; 20g; 25g; 30g; 50g; 100g; 200g; 250g; 500g; 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 10kg	VD-24812-16
150	Lạc tiên	Lạc tiên	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 10g; 15g; 20g; 25g; 30g; 50g; 100g; 200g; 250g; 500g; 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 10kg	VD-24813-16
151	Leolen Forte	Cytidin-5'-disodium monophosphat 5mg; Uridin-5'-trisodium triphosphat 3mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24814-16
152	Para-OPC 250mg	Mỗi gói 860mg chứa: Paracetamol 250mg	Thuốc bột sủi bọt	36 tháng	TCCS	Hộp 12 gói x 860mg	VD-24815-16
153	Sơn thù	Sơn thù	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 10g; 15g; 20g; 25g; 30g; 50g; 100g; 200g; 250g; 500g; 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 10kg	VD-24816-16
154	Thuốc trị sỏi thận Kim tiền thảo	Cao đặc Kim tiền thảo (tương ứng với Kim tiền thảo 2,4g) 120mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 100 viên; hộp 1 chai 60 viên	VD-24817-16
155	Viên nhuận tràng OP.Liz	Cao đặc 150mg (tương ứng với thân rễ Đại hoàng 255mg, Phan tả diệp 127,5mg, Bìm	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-24818-16

		bìm biếc 127,5mg, Chỉ xác 30,75mg) ; Bột mịn cao mật heo 127,5mg; Bột mịn quả chỉ xác 33mg					

28. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV *(Đ/c: Lô 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)*

28.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV *(Đ/c: Lô 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
156	Actorisedron 75	Risedronat natri (dưới dạng Risedronat natri hemi-pentahydrat) 75mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 2 viên	VD-24819-16
157	Alipid 10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24820-16
158	Atovast 20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24821-16
159	Babi B.O.N	Vitamin D3 (cholecalciferol) 400IU/0,4ml	Dung dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 12ml	VD-24822-16
160	Centocalcium Plus Mg	Vitamin D3 (Cholecalciferol) 125IU; Vitamin B6 (Pyridoxin HCl) 5mg; Magnesi (Magnesi oxyd) 40mg; Kẽm (Kẽm oxyd) 5mg; Đồng (Đồng gluconat) 0,5mg; Boron (Natri tetraborat decahydrat) 0,5mg; Mangan (Mangan gluconat dihydrat) 0,5mg; Calci (Calci citrat) 250mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai 30 viên	VD-24823-16

161	Clocardigel 75	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 4 vỉ x 7 viên	VD-24824-16
162	Dobutil argin 10	Perindopril arginine 10mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24825-16
163	Fenofib 200	Fenofibrat (dưới dạng vi hạt chứa 66% (kl/kl) fenofibrat) 200mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 7 vỉ x 4 viên; hộp 4 vỉ x 7 viên	VD-24826-16
164	Linorip 10	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat) 10mg	Viên nén	36 tháng	USP 36	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24827-16
165	Lodimax 10	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-24828-16
166	Motidram	Cinnarizin 25mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24829-16
167	Opeclari 500	Clarithromycin 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 7 viên; hộp 5 vỉ x 6 viên	VD-24830-16
168	Opelodil	Mỗi 5ml chứa: Loratadin 5mg	Siro	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 30ml; hộp 1 chai 60ml	VD-24831-16
169	Opemitin	Ebastin 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24832-16
170	Opemucol 0,3%	Mỗi 5ml chứa: Ambroxol HCl 15mg	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 60ml; hộp 1 chai 90ml	VD-24833-16
171	Retrozidin 20	Trimetazidin hydrochlorid 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24834-16
172	Rosuliptin 10	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-24835-16
173	Toplife Mg B6	Mỗi 10ml chứa: Magnesi lactat dihydrat 186mg; Magnesi pidolat 936mg; Pyridoxin HCl 10mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống 10ml	VD-24836-16
174	Toplife Mg-B6	Magnesi lactat dihydrat 470mg; Pyridoxin hydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24837-16
175	Usolin 200	Acid Ursodeoxycholic	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 4 vỉ x 10 viên	VD-24838-16

		200mg					

29. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông *(Đ/c: Lô 7, Đường 2, KCN. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

29.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông *(Đ/c: Lô 7, Đường 2, KCN. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
176	Fumagate	Mỗi gói 10g chứa: Magnesi hydroxyd 800mg; Simethicon (dưới dạng Simethicon nhũ dịch 30%) 80mg; Nhôm hydoxyd (dưới dạng nhôm hydroxit gel) 400mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Gói 10 g. Hộp 10 gói, hộp 20 gói, hộp 30 gói, và hộp 50 gói	VD-24839-16
177	Omcetti 300 mg	Cefdinir 300mg	Viên nang cứng	36 tháng	USP 34	Vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ, hộp 2 vỉ, hộp 3 vỉ, hộp 6 vỉ và hộp 10 vỉ. Vỉ 4 viên, hộp 1 vỉ, hộp 2 vỉ, hộp 4 vỉ và hộp 5 vỉ. Chai 30 viên, chai 60 viên, chai 100 viên và chai 200 viên	VD-24840-16
178	Sudopatin	Mỗi ống 5ml chứa: Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 50 mcg; Sắt (dưới dạng sắt sulfat) 15mg; Calci glycerophosphat 12,5mg; Magnesi gluconat 4mg; Lysin HCl 12,5mg; Vitamin A (Retinol palmitat) 2500 IU; Vitamin D3 (Cholecalciferol) 200 IU; Vitamin B1	Dung dịch uống	36 tháng	TCCS	Ống 5ml. Hộp 10 ống, hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống	VD-24841-16

		(Thiamin nitrat) 10 mg; Vitamin B2 (Riboflavin sodium phosphat) 1,25 mg; Vitamin B3 (Niacinamid) 12,5 mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 5 mg;					

30. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình *(Đ/c: 46 Đường Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - Quảng Bình - Việt Nam)*

30.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình *(Đ/c: 46 Đường Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - Quảng Bình - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
179	Dầu khuynh diệp phong nha	Mỗi 15 ml chứa: Eucalyptol 12,6g	Dầu xoa	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 15 ml, 25 ml; vỉ 1 chai 25 ml	VD-24842-16
180	Fluopas	Mỗi 10 g chứa: Fluocinolon acetonid 0,0025g	Thuốc mỡ bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10 gam	VD-24843-16
181	Liệu trường phong	Mỗi 10 g chứa: Tinh dầu bạc hà 2,6g; Tinh dầu tràm 1g; Tinh dầu long não 0,8g; Tinh dầu quế 0,5g; Tinh dầu hương nhu 0,15g	Cao xoa	60 tháng	TCCS	Hộp thiếc 10 gam; hộp 1 lọ 20 gam	VD-24844-16
182	Quantopic 0,03%	Mỗi 10 g chứa: Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat) 3mg	Thuốc mỡ bôi ngoài da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10 gam, 20 gam	VD-24845-16
183	Tetracyclin 1%	Mỗi 3 g chứa: Tetracyclin hydroclorid 0,03g	Thuốc mỡ tra mắt	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 1 tuýp, 100 tuýp x 3 gam; hộp 1 tuýp, 100 tuýp x 5 gam	VD-24846-16

31. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim *(Đ/c: KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)*

31.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim *(Đ/c: KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
184	Rotundin 30	Rotundin 30mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24847-16

32. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi *(Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)*

32.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi *(Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
185	Gabarica 400	Gabapentin 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24848-16
186	Migtana 50	Sumatriptan 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24849-16
187	SaVi Albendazol 200	Albendazol 200mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 2 viên	VD-24850-16
188	SaVi Eprosartan 400	Eprosartan (dưới dạng Eprosartan mesylat) 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24851-16
189	SaVi Lisinopril 5	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat) 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24852-16
190	SaViCertiryl	Cetirizin (dưới dạng Cetirizin dihydroclorid) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 200 viên, chai 100 viên	VD-24853-16
191	SaViDimin	Diosmin 450mg; Hesperidin 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 15 viên, hộp 4 vỉ x 15 viên, hộp 1 chai 60 viên	VD-24854-16
192	SaViPamol 500	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 100 viên, hộp 1 chai 200 viên, chai 500 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24855-16

33. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco *(Đ/c: 15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Việt Nam)*

33.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco *(Đ/c: 15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
193	Glucosamin sulfat 500mg	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat NaCl tương đương Glucosamin base 392,6mg) 500mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai 100 viên	VD-24856-16
194	Lamivudine 150mg	Lamivudin 150mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-24857-16
195	Omaride	Sulpirid 50mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 15 viên	VD-24858-16
196	Paracetamol 500mg	Paracetamol 500mg	Viên nang cứng (xanh dương-trắng)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai x 100 viên; hộp 1 chai x 200 viên; hộp 1 chai x 500 viên	VD-24859-16
197	Vudu-paracetamol	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 20 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai x 500 viên	VD-24860-16

34. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco *(Đ/c: 160 - Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam)*

34.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco. *(Đ/c: Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
198	Arterakine	Dihydroartemisinin 20mg/5ml; Piperaquin phosphat 160mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ bột thuốc để pha thành 60ml hỗn dịch	VD-24861-16
199	Biotin 5mg	Biotin 5mg	Viên nén	36	DĐV	Hộp 2 vỉ x 10	VD-24862-16

				tháng	N IV	viên	
200	Lidocain 40	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 10 ống, hộp 100 ống x 2ml	VD-24863-16
201	Lyris 2g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri) 2000mg	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 36	Hộp 10 lọ	VD-24864-16
202	Nước cất tiêm 10ml	Nước cất pha tiêm 10ml	Dung dịch tiêm	48 tháng	BP 2012	Hộp 50 ống x 10ml	VD-24865-16
203	Parazacol 1000	Paracetamol 1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	TCCS	Lọ 100ml	VD-24866-16
204	Parazacol 500	Paracetamol 500mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	TCCS	Lọ 50ml	VD-24867-16
205	Trikapezon	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 1000mg	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ thuốc + 1 ống nước cất tiêm 5ml. Hộp 1 lọ thuốc, hộp 10 lọ thuốc. Nước cất tiêm: VD-23675-15	VD-24868-16
206	Trikaxon IM	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 1000mg	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ thuốc + 1 ống Lidocain 1% 3,5ml	VD-24869-16
207	Vitamin C 500mg	Acid ascorbic 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24870-16

35. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2 *(Đ/c: Số 9 - Trần Thánh Tông - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội - Việt Nam)*

35.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 *(Đ/c: Lô 27, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
208	Mexiprim 5	Montelukast 100% (dưới dạng Montelukast natri) 5mg	Viên nén nhai	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-24871-16

36. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 *(Đ/c: Số 16, Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng - Việt Nam)*

36.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 *(Đ/c: Số 28, đường 351, xã Nam Sơn, huyện An Dương, TP. Hải Phòng - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
209	Foritakane	Cao khô bạch quả 40mg (tương đương 8,8mg flavonoid toàn phần)	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-24872-16
210	Hoàn bổ thận âm TW3	Mỗi túi 5g chứa: Thục địa 0,75g; Táo chua 0,45g; Hoài sơn 0,40g; Khiếm thực 0,35g; Thạch hộc 0,30g; Tỳ giải 0,25g	Hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 7 túi x 5g; Hộp 10 túi x 5g; Hộp 10 túi x 50g	VD-24873-16

37. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA *(Đ/c: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam -)*

37.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương *(Đ/c: Ấp Tân Bình, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
211	Bisalaxyl	Bisacodyl 5mg	Viên nén bao đường tan trong ruột	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên; chai 100 viên	VD-24874-16
212	Bixovom 8	Bromhexin hydroclorid 8mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai x 100 viên	VD-24875-16
213	Lamivudin 150mg	Lamivudin 150mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24876-16
214	Magdivix	Magnesi lactat dihydrat 470mg; Pyridoxin hydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên; chai 100 viên	VD-24877-16
215	Nystatin 500.000I.U	Nystatin 500000IU	Viên bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 8 viên; hộp 10 vỉ x 8 viên; chai 100 viên; chai 500 viên	VD-24878-16
216	Prednison 5mg	Prednison 5mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 20 viên; hộp 10 vỉ x 20 viên; chai	VD-24879-16

						200 viên; chai 500 viên	

38. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ *(Đ/c: 93 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)*

38.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ *(Đ/c: Lô M1, đường N3, KCN Hòa Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
217	Hương Phụ	Thân rễ Hương Phụ	Nguyên liệu làm thuốc	24 tháng	TCCS	Túi 0,5 kg; Túi 1 kg; Túi 2 kg; Túi 5 kg; Túi 10 kg; Túi 20 kg	VD-24880-16
218	Neurolaxan - B	Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 200 mcg; Vitamin B1 (Thiamin nitrat) 100 mg; Vitamin B6 (Pyridoxin HCl) 200 mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24881-16
219	Sexapil	Sildenafil (dưới dạng Sidenafil citrat) 50 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VD-24882-16
220	Tocemux	Acetylcystein 200 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24883-16
221	Tovalgan Ef	Paracetamol 500 mg	Viên nén sủi bọt	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 4 viên; hộp 1 tuýp x 5 viên; hộp 2 tuýp x 5 viên; hộp 1 tuýp x 10 viên	VD-24884-16

39. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm *(Đ/c: 27 Điện Biên Phủ, F. 9, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh - Việt Nam)*

39.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm *(Đ/c: 27 Điện Biên Phủ, F. 9, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
222	Di-angesic codein 30	Paracetamol 500 mg; Codein phosphat	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 2 vỉ x 10 viên; chai	VD-24885-16

		hemihydrat 30 mg				100 viên.	
223	Glucosamine 250mg	Glucosamin (dùng dạng Glucosamin sulfat natri clorid) 250 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	VD-24886-16
224	Prednisolone 5mg	Prednisolone 5 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 20 viên, chai 100 viên, chai 200 viên, chai 300 viên, chai 500 viên	VD-24887-16
225	Prednisolone 5mg	Prednisolone 5 mg	Viên nén màu vàng	36 tháng	TCCS	Hộp 20 vỉ x 10 viên, hộp 50 vỉ x 10 viên, chai 100 viên, chai 200 viên, chai 300 viên, chai 500 viên	VD-24888-16

40. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25 *(Đ/c: 120 Hai Bà Trưng, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

40.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25 *(Đ/c: 448B, Nguyễn Tất Thành, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
226	Amoxicilin 500 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg	Viên nang cứng (cam-cam)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; chai 200 viên, 500 viên	VD-24889-16
227	Cephalexin 500 mg	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat) 500mg	Viên nang cứng (trắng-xanh lá)	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; chai 200 viên, 500 viên	VD-24890-16

41. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế *(Đ/c: Số 31 - Đường Ngô Thời Nhiệm - Phường 6 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

41.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế *(Đ/c: Lô III-18 đường số 13 - Khu công nghiệp Tân Bình - Quận Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
228	Chloramphenicol 250 mg	Chloramphenicol 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	DĐVN IV	Vỉ 10 viên - Hộp 10 vỉ, Hộp 20 vỉ	VD-24891-16

229	Fenbrat 100	Fenofibrat 100mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24892-16
230	Gadoxime 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-24893-16

42. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm VCP *(Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)*

42.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm VCP *(Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
231	Doripenem 500mg	Doripenem (dưới dạng Doripenem monohydrat) 500mg	Bột pha tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ, Hộp 1 lọ + 2 ống nước cất pha tiêm 5ml (SX tại CT CPDP Trung Ương 2- Dopharma, SĐK: VD-18637-13), Hộp 1 lọ+ 2 ống nước cất pha tiêm 5ml (SX tại CT TNHH MTV 120- Armepharco, SĐK: VD-22389-15)	VD-24894-16
232	Oxacilin 2g	Oxacilin (dưới dạng Oxacilin natri) 2g	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 35	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ, Hộp 1 lọ + 4 ống nước cất pha tiêm 5ml (SX tại CTCPDP Trung Ương 2- Dopharma, SĐK: VD-18637-13), Hộp 1 lọ+ 4 ống nước cất pha tiêm 5ml (SX tại CT	VD-24895-16

						TNHH MTV 120-Armepharco, SĐK: VD-22389-15)	

43. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vian *(Đ/c: Số 4 B3, tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội - Việt Nam)*

43.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương *(Đ/c: 102 Chi Lăng, thành phố Hải Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
233	Siro ho Haspan	Mỗi chai 100ml chứa: Cao khô lá thường xuân (tương đương 3,62g lá thường xuân) 700mg	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 70ml, 90ml, 100ml	VD-24896-16

44. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc *(Đ/c: Số 777 đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc - Việt Nam)*

44.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc *(Đ/c: Thôn Mậu Thông-P.Khai Quang- TP. Vĩnh Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
234	Atropin sulfat	Mỗi 1ml chứa: Atropin sulfat 0,25mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	USP37	Hộp 100 ống x 1ml	VD-24897-16
235	Calci clorid	Mỗi ống 5ml chứa: Calci clorid dihydrat (dưới dạng Calci clorid hexahydrat) 500mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 5 ống 5ml	VD-24898-16
236	Dimedrol	Mỗi ống 1ml chứa: Diphenhydramin hydroclorid 10mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 100 ống x 1ml	VD-24899-16
237	Glucose 30%	Mỗi ống 5ml chứa: Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat) 1,5g	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 5 ống 5ml	VD-24900-16
238	Lidocain	Mỗi ống 2ml chứa: Lidocain	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 100 ống x 2ml	VD-24901-16

		hydroclorid 40mg					
239	Noradrenalin	Mỗi ống 1ml chứa: Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat) 1mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 1ml; hộp 2 vỉ x 5 ống x 1ml; hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	VD-24902-16
240	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm 2ml	Dung môi pha tiêm	48 tháng	TCCS	Hộp 100 ống x 2ml	VD-24903-16
241	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm 5ml	Dung môi pha tiêm	48 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5ml	VD-24904-16
242	Vancomycin	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid) 500mg	Thuốc tiêm bột đông khô	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml; hộp 5 lọ; hộp 10 lọ	VD-24905-16
243	Vincerol 4mg	Acenocoumarol 4mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24906-16
244	Vincotine	Mỗi ống 1ml chứa: Biotin 5mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 6 ống x 1ml	VD-24907-16
245	Vingomin	Mỗi ống 1ml chứa: Methylergometrin maleat 0,2mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 5 ống 1ml; hộp 1 vỉ x 10 ống 1 ml; hộp 5 vỉ x 10 ống 1ml	VD-24908-16
246	Vinphatex 300	Mỗi 2ml chứa: Cimetidin (dưới dạng Cimetidin HCl) 300mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	USP37	Hộp 1 vỉ x 10 ống 2ml; hộp 5 vỉ x 10 ống 2ml	VD-24909-16
247	Vitamin B12	Mỗi ống 1ml chứa: Vitamin B12 1000mcg	Dung dịch tiêm	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 100 ống x 1ml	VD-24910-16
248	Vitamin B6	Mỗi ống 1ml chứa: Pyridoxin hydroclorid 100mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 100 ống x 1ml	VD-24911-16
249	Vitamin B6	Mỗi ống 1ml chứa: Pyridoxin hydroclorid 25mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 100 ống x 1ml	VD-24912-16

45. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái. *(Đ/c: Số 725, Đường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái. - Việt Nam)*

45.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái. *(Đ/c: Số 725, Đường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái. - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

250	Cao lỏng thiên vương bổ tâm T&T	Mỗi 125 ml cao lỏng chứa dịch chiết từ dược liệu tương đương: Sinh địa 36 g; Toan táo nhân 9 g; Thiên môn đông 9 g; Bá tử nhân 9g; Đan sâm 4,5 g; Đảng sâm 4,5 g; Viễn chí 4,5 g; Ngũ vị tử 9 g; Đương quy 9 g; Mạch môn 9 g; Huyền sâm 4,5 g; Bạch linh 4,5 g; Cát cánh 4,5 g	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 125 ml	VD-24913-16

46. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược trung ương 3 *(Đ/c: Số 115 Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng - Việt Nam)*

46.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược trung ương 3 *(Đ/c: Số 115 Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
251	Cao xoa định thống	Mỗi 8g cao chứa: Menthol 0,3817mg; Camphor 1,0928mg; Tinh dầu bạc hà 1,1974mg; Tinh dầu tràm 0,5020mg; Tinh dầu quế 0,2562mg; Methyl salicylat 1,4484mg	Cao xoa	36 tháng	TCCS	Hộp 8g, 15g, 20g cao xoa	VD-24914-16

47. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex *(Đ/c: 358 Giải phóng, P. Phương Liệt, Thanh xuân, Hà Nội - Việt Nam)*

47.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex *(Đ/c: Thôn Trung Hậu, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội - Việt nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
252	Colchicine 1 mg	Colchicin 1mg	Viên nén	48	TCCS	Hộp 1 vỉ x 20	VD-24915-16

				tháng		viên	
253	Sachenyst	Mỗi 1 g chứa: Nystatin 25.000IU	Thuốc cốm rơ miệng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 1g	VD-24916-16

48. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Vacopharm *(Đ/c: 59 Nguyễn Huệ, TP. Tân An, Long An - Việt Nam)*

48.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Vacopharm *(Đ/c: Km 1954, quốc lộ 1A, P. Tân Khánh, TP. Tân An, Long An - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
254	Aspartam	Mỗi 1 g chứa: Aspartam 35mg	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói, 100 gói, 200 gói, 300 gói, 500 gói x 1 gam	VD-24917-16
255	Atafed'S	Pseudoephedrin hydroclorid 60mg; Triprolidin hydroclorid 2,5mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 20 viên; chai 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên	VD-24918-16
256	Tangelan	N-Acetyl-D,L-Leucin 500mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 100 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 20 viên; hộp 5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 6 viên; hộp 5 vỉ, 10 vỉ, 25 vỉ x 4 viên; chai 50 viên, 100 viên, 200 viên, 500 viên	VD-24919-16
257	Vacoacilis 20	Tadalafil 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 1 viên; hộp 1 vỉ, 5 vỉ, 25 vỉ x 4 viên; hộp 1 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 50 vỉ x 6 viên	VD-24920-16
258	Vacodomtium 10	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ, 50 vỉ, 100 vỉ x 10	VD-24921-16

						viên; hộp 5 vỉ, 10 vỉ, 50 vỉ x 15 viên; hộp 5 vỉ, 10 vỉ, 25 vỉ, 50 vỉ x 20 viên; chai 100 viên, 200 viên, 500 viên, 1000 viên	
259	Vaco-Pola6	Dexclorpheniramin maleat 6mg	Viên nén bao phim	48 tháng	DĐVN IV	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ, 50 vỉ x 15 viên; hộp 5 vỉ, 10 vỉ, 25 vỉ, 50 vỉ x 20 viên; chai 100 viên, 200 viên, 300 viên, 500 viên, 1000 viên	VD-24922-16
260	Vitamin B1 50	Thiamin nitrat 50mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ, 50 vỉ, 100 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ, 10 vỉ, 25 vỉ, 50 vỉ x 20 viên; chai 100 viên, 200 viên, 250 viên, 500 viên, 1000 viên	VD-24923-16
261	Vitamin B6 250	Pyridoxin hydroclorid 250mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ, 50 vỉ, 100 vỉ x 10 viên; hộp 4 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ, 40 vỉ x 25 viên; chai 100 viên, 200 viên, 500 viên, 1000 viên	VD-24924-16

49. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương *(Đ/c: 102 Chi Lăng, thành phố Hải Dương - Việt Nam)*

49.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương *(Đ/c: 102 Chi Lăng, thành phố Hải Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

262	Bạch chỉ phiến	Bạch chỉ	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	VD-24925-16
263	Cúc hoa vàng	Cúc hoa vàng	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	VD-24926-16
264	Độc hoạt tang ký sinh. VT	Mỗi 5g hoàn cứng chứa: Độc hoạt 0,5g; Xuyên khung 0,5g; Thục địa 0,5g; Ngưu tất 0,5g; Đương quy 0,25g; Phục linh 0,25g; Tế tân 0,1g; Tang ký sinh 0,5g; Bạch thược 0,5g; Đỗ trọng 0,5g; Tần giao 0,5g; Phòng phong 0,25g; Quế chi 0,25g; Cam thảo 0,1g	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 5g, hộp 1 lọ 50g	VD-24927-16
265	Hồng hoa	Hồng hoa	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	VD-24928-16
266	Kim tiền thảo Vinacare 250 Soft	Cao khô kim tiền thảo (11:1) 250mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-24929-16
267	Nemicollyre	Mỗi 5ml chứa: Neomycin base (dưới dạng Neomycin base) 17mg; Dexamethason (dưới dạng Dexamethason natri phosphat) 5mg	Thuốc nhỏ mắt, mũi, tai	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 5ml, hộp 1 lọ 8ml	VD-24930-16
268	Redgamax	Curcuminoid 250 mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ, 12 vỉ x 5 viên	VD-24931-16
269	Trần bì thái sợi	Trần bì	Nguyên liệu làm thuốc	18 tháng	TCCS	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	VD-24932-16

50. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An *(Đ/c: 68 Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An - Việt Nam)*

50.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An *(Đ/c: 68 Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
270	DnaStomat	Omeprazol (dưới dạng pellet	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ	VD-24933-16

		Omeprazol 8,5%) 20mg				x 14 viên	

51. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định *(Đ/c: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Qui Nhơn, Bình Định - Việt Nam)*

51.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định *(Đ/c: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Qui Nhơn, Bình Định - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
271	Bifumax 750	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 750mg	Thuốc bột pha tiêm	36 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ kèm 1 ống nước cất pha tiêm 8ml; hộp 10 lọ	VD-24934-16
272	Biragan Kids 325	Mỗi gói 3g chứa: Paracetamol 325mg	Thuốc bột sủi bọt	36 tháng	TCCS	Hộp 12 gói x 3g	VD-24935-16
273	Cefubi -100DT	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nén phân tán	36 tháng	USP37	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24936-16
274	Eyetamin	Mỗi lọ 10ml chứa: Thiamin HCl 5mg; Riboflavin natri phosphat 0,5mg; Nicotinamid 40mg	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 10ml	VD-24937-16
275	Kingloba	Cao khô lá bạch quả (Extractum Folium Ginkgo siccum tương ứng với 1,6g dược liệu lá bạch quả) 40mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24938-16
276	Oraptic	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol natri) 40mg	Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 10ml	VD-24939-16
277	Vitamin C 500	Vitamin C 500mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Lọ 100 viên	VD-24940-16

52. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá *(Đ/c: 232 Trần Phú, Thanh Hoá - Việt Nam)*

52.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá *(Đ/c: Số 4 Đường Quang Trung - TP. Thanh Hoá - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

278	Amoxicilin 500 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	Viên nang cứng	24 tháng	DĐVN IV	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 20 vỉ x 10 viên, hộp 50 vỉ x 10 viên	VD-24941-16
279	Prednisolon	Prednisolon 5mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Lọ 500 viên	VD-24942-16
280	Therodol	Paracetamol 500mg	Viên nén	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 20 vỉ x 10 viên	VD-24943-16
281	Vidoca	Albendazol 400mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VD-24944-16
282	Vitamin B6 10 mg	Pyridoxin HCl 10 mg	Viên nén	36 tháng	DĐVN IV	Lọ 100 viên	VD-24945-16

52.2 Nhà sản xuất: Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa *(Đ/c: Lô 4-5-6, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, Tp. Thanh Hóa - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
283	Thekan	Cao khô lá bạch quả (tương ứng không ít hơn 9,6mg flavonoid) 40mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-24946-16

53. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam *(Đ/c: 273 phố Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)*

53.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam *(Đ/c: 192 Phố Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
284	Gel Erythromycin 4%	Mỗi 10 mg chứa: Erythromycin 400mg	Gel bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10 g, 30 g	VD-24947-16

54. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar. *(Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

54.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar. *(Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

285	Amoxicillin 250mg	Mỗi gói 2,5g chứa: Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 250mg	Thuốc bột uống	36 tháng	TCCS	Hộp 30 gói x 2,5g	VD-24948-16
286	Cimetidine 300mg	Cimetidin 300mg	Viên nén bao phim	36 tháng	DĐVN IV	Chai 100 viên	VD-24949-16
287	Levotanic 500	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 5 viên, hộp 2 vỉ x 5 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24950-16
288	Meko Brand	Mỗi ống hít chứa: Menthol 504mg; Camphor 119mg; Methyl salicylat 19mg	Ống hít	24 tháng	TCCS	Vỉ 6 ống hít	VD-24951-16
289	Mekoamin	Mỗi chai 250ml chứa: L-Isoleucin 450mg; L-Lysin HCl 1850mg; L-Tryptophan 150mg; L-Threonin 450mg; L-Valin 500mg; L-Phenylalanin 725mg; L-Methionin 600mg; L-Leucin 1025mg; Glycin 850mg; L-Arginin HCl 675mg; L-Histidin HCl. H_2O 325mg; Xylitol 12500mg	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	TCCS	Chai 250ml, chai 500ml	VD-24952-16
290	Sumatriptan MKP 50	Sumatriptan 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 6 viên, hộp 2 vỉ x 6 viên, hộp 3 vỉ x 6 viên	VD-24953-16
291	Taginko	Cao khô lá bạch quả (chứa 24% flavonol glycosides) 40mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24954-16

55. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l *(Đ/c: Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

55.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l *(Đ/c: Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
292	Carvedol 12.5	Carvedilol 12,5 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1 túi nhôm x 10 vỉ x 10 viên	VD-24955-16

56. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần LD dược phẩm Medipharco-Tenamyd BR s.r.l *(Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, P. Phước Vĩnh, TP. Huế, Thừa Thiên Huế - Việt nam)*

56.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần LD dược phẩm Medipharco-Tenamyd BR s.r.l *(Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, P. Phước Vĩnh, TP. Huế, Thừa Thiên Huế - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
293	Acyclovir	Mỗi 5 g chứa: Aciclovir 250mg	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 5 gam, 10 gam	VD-24956-16

57. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Pymepharco *(Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hoà, Phú Yên - Việt Nam)*

57.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Pymepharco *(Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hoà, Phú Yên - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
294	Ceftanir	Cefdinir 300mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 4 viên, hộp 2 vỉ x 4 viên	VD-24957-16
295	Cephalexin PMP 500	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat) 500mg	Viên nang cứng (đỏ - vàng)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24958-16
296	Diaprid 2	Glimepirid 2mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-24959-16
297	Droxicef 500mg	Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat) 500 mg	Viên nang cứng (tím - xám)	36 tháng	USP 35	Hộp 10 vỉ x 10 viên, lọ 200 viên	VD-24960-16
298	Droxikid	Mỗi gói 3g chứa: Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat) 250mg	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 12 gói x 3g, hộp 25 gói x 3g, hộp 14 gói x 3g, hộp 24 gói x 3g	VD-24961-16
299	Gentastad 80mg	Mỗi ống 2ml chứa: Gentamicin (dưới	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 50 ống tiêm x 2ml	VD-24962-16

		dạng Gentamicin sulfat) 80mg					
300	Kisinstad	Alpha-chymotrypsin 5mg (tương đương 5000 đơn vị USP)	Thuốc bột đông khô pha tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 5 lọ kèm 5 ống dung môi NaCl 0,9% 2ml	VD-24963-16
301	Lincomycin 500mg	Lincomycin (dưới dạng Lincomycin HCl) 500 mg	Viên nang cứng (xanh đậm - đỏ)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24964-16
302	Negacef 250	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 250mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-24965-16
303	Negacef 500	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-24966-16
304	PymeClarocil 250	Clarithromycin 250mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-24967-16

58. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần SPM *(Đ/c: Lô 51- Đường số 2- KCN Tân Tạo- Q. Bình Tân- TP. HCM - Việt Nam)*

58.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần SPM *(Đ/c: Lô 51- Đường số 2- KCN Tân Tạo- Q. Bình Tân- TP. HCM - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
305	Lamotel 80	Telmisartan 80mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24968-16
306	Tranliver	Ademetionin (dưới dạng Ademetionin disulfat tosylat) 500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-24969-16

59. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh *(Đ/c: Số 4A Lò Lu, P. Trường Thạnh, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

59.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh *(Đ/c: Số 4A Lò Lu, P. Trường Thạnh, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
307	Kedermfa	Mỗi tuýp 5g chứa: Ketoconazol 100mg; Neomycin sulfat 25.000 UI	Kem bôi ngoài da	24 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp x 5g	VD-24970-16

60. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát *(Đ/c: Lô 44, TT 2B, Khu đô thị mới Văn Quán, p. Phúc La, q. Hà Đông, Hà Nội - Việt Nam)*

60.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương *(Đ/c: 102 Chi Lăng, thành phố Hải Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
308	Hương liên viên hoàn TP	Mỗi gói 5g chứa: Hoàng liên 2g; Mộc hương 2g	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 30 gói x 5g	VD-24971-16

61. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Traphaco *(Đ/c: 75 Yên Ninh, Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)*

61.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco *(Đ/c: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
309	Bát vị quế phụ	Cao Phụ tử (tương đương 37,7mg Phụ tử) 7,7mg; Cao dược liệu (tương đương: Thục địa 217mg; Hoài sơn 109mg; Sơn thù 109mg; Bạch linh 82mg; Trạch tả 82mg) 283mg; Bột mẫu đơn bì 84mg; Bột quế 28mg	Viên nang cứng	48 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	VD-24972-16

61.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Traphaco *(Đ/c: Ngõ 15, Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
310	Leivis	Mỗi tuýp 10g chứa: Ketoconazol 200mg	Kem bôi da	24 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10g	VD-24973-16
311	Lubrex	Glucosamin hydroclorid (tương	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ	VD-24974-16

		đương glucosamin 207,8mg) 250mg				x 10 viên, Hộp 1 lọ 80 viên	
312	Lubrex- F	Glucosamin hydroclorid (tương đương glucosamin 415,6 mg) 500 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-24975-16
313	Nostravin	Xylometazolin hydroclorid 0,05% (kl/tt)	Dung dịch nhỏ mũi	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 8ml	VD-24976-16
314	Periosyn	Perindopril erbumin 4mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 30 viên	VD-24977-16
315	Traphalucin	Fluocinolon acetonid 2,5mg/10g	Thuốc mỡ bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10g	VD-24978-16
316	Vitamin E 400 mg	Vitamin E (alpha tocopheryl acetat) 400mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24979-16

62. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco *(Đ/c: 66-Quốc lộ 30-P. Mỹ Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)*

62.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco *(Đ/c: 66-Quốc lộ 30-P. Mỹ Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
317	Ampicillin 500 mg	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin trihydrat compacted) 500mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên; chai 200 viên	VD-24980-16
318	Cefadroxil 500 mg	Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat compacted) 500mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên; chai 100 viên	VD-24981-16
319	Dobenzic	Mỗi 1,5g chứa: Dibencozid 2mg	Thuốc bột uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 1,5 gam	VD-24982-16
320	Dodizy 8 mg	Betahistin dihydrochlorid 8mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; hộp 4 vỉ x 25 viên	VD-24983-16
321	Domecor 5 mg	Bisoprolol fumarat 5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-24984-16
322	Domecor plus 5 mg/6,25 mg	Bisoprolol fumarat 5mg; Hydrochlorothiazid 6,25mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-24985-16
323	Dometin 5 mg	Desloratadin 5mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ	VD-24986-16

			bao phim	tháng		x 10 viên	
324	Domever 25 mg	Spironolacton 25mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-24987-16
325	Doropycin 3 MIU	Spiramycin 3.000.000 IU	Viên nén bao phim	48 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 5 viên; chai 100 viên, chai 150 viên	VD-24988-16
326	Dorotyl 500 mg	Mephenesin 500 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 12 viên	VD-24989-16
327	Lincomycin 500 mg	Lincomycin (dưới dạng Lincomycin hydroclorid) 500mg	Viên nang cứng	48 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	VD-24991-16

62.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco *(Đ/c: Cụm CN. Cần Lố, An Định, An Bình, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
328	Hà thủ ô	Cao Hà thủ ô đỏ chế (tương đương 2.000mg Hà thủ ô đỏ chế) 154mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-24990-16

63. Công ty đăng ký: Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam *(Đ/c: Khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

63.1 Nhà sản xuất: Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam *(Đ/c: Khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
329	Frantamol 500 mg	Paracetamol 500mg	Viên nén	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24992-16

64. Công ty đăng ký: Công ty Liên doanh Meyer - BPC. *(Đ/c: 6A3-quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre - Việt Nam)*

64.1 Nhà sản xuất: Công ty Liên doanh Meyer - BPC. *(Đ/c: 6A3-quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
330	Benzatique 5	Nebivolol (dưới	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10	VD-24993-16

		dạng Nebivolol hydroclorid) 5mg		tháng		viên	
331	Lertésion	Repaglinid 1mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24994-16
332	Meyeramic 500	Acid tranexamic 500mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24995-16

65. Công ty đăng ký: Công ty Roussel Việt Nam *(Đ/c: 702 Trường Sa, P. 14, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

65.1 Nhà sản xuất: Công ty Roussel Việt Nam *(Đ/c: Số 1, đường số 3, KCN Việt Nam Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
333	Bustidin 20	Trimetazidin dihydroclorid 20 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 30 viên	VD-24996-16
334	Raceca 100mg	Racecadotril 100 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên	VD-24997-16

66. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng *(Đ/c: 96-98 Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội - Việt Nam)*

66.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng *(Đ/c: Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
335	Bổ gan P/H	Cao đặc diệp hạ châu 125mg; Cao đặc Bồ bồ 100mg; Cao đặc chi tử 25mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 60 viên; hộp 1 lọ x 100 viên; hộp 2 vỉ x 20 viên; hộp 5 vỉ x 20 viên	VD-24998-16
336	Siro Bổ tỳ P/H	Mỗi 100ml siro chứa cao lỏng dược liệu chiết từ: đảng sâm 15g; Bạch linh 10g; Bạch truật 15g; Cát cánh 12g; Mạch nha 10g; Cam thảo 6g; Long nhãn 6g; Trần bì 4g; Liên nhục 4g; Sa nhân 4g; Sử	Siro thuốc	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 90ml; hộp 1 lọ x 100ml; hộp 1 lọ x 25ml	VD-24999-16

		quân tử 4g; Bán hạ 4g					
337	Thấp khớp hoàn P/H	Bột phòng phong 25mg; Bột xuyên khung 25mg; Bột tục đoạn 25mg; Bột hoàng kỳ 25mg; Bột bạch thược 25mg; Bột đương quy 25mg; Bột phục linh 20mg; Bột cam thảo 20mg; Bột thiên niên kiện 20mg; Cao đặc tần giao 5mg; Cao đặc đỗ trọng 5mg; Cao đặc ngưu tất 5mg; Cao đặc độc hoạt 5mg	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 230 viên; hộp 1 lọ x 200 viên	VD-25000-16
338	Trĩ linh hoàn P/H	Đảng sâm 0,8g; Hoàng kỳ 0,7g; Bạch truật 0,7g; Đương quy 0,5g; Trần bì 0,5g; Cam thảo 0,4g; Trắc bách diệp 0,4g; Thăng ma 0,4g; Hòe hoa 0,2g	Hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 5g	VD-25001-16

67. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Đạt Vi Phú *(Đ/c: Lô M7A-CN, Đường D17, KCN Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

67.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm Đạt Vi Phú *(Đ/c: Lô M7A-CN, Đường D17, KCN Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
339	Miprotone-F	Progesteron (dạng vi hạt) 200mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-25002-16
340	Neubatel-forte	Gabapentin 600mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-25003-16

68. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Detapham. *(Đ/c: 324/10F Hoàng Quốc Việt, KTTCN Cái Sơn, Hàng Bàng, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - Việt Nam)*

68.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Detapham. *(Đ/c: 324/10F Hoàng Quốc Việt, KTTCN Cái Sơn, Hàng Bàng, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
341	Cortimax	Mỗi lọ 8g chứa: Triamcinolon acetonid 0,008g; Cloramphenicol 0,16g	Kem bôi ngoài da	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 8g	VD-25004-16
342	Jordapol	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên, lọ 100 viên, lọ 500 viên	VD-25005-16
343	Tomax Genta	Mỗi tuýp 6g chứa: Clotrimazol 0,06g; Triamcinolon acetonid 0,006g; Gentamicin sulfat 0,006g	Kem bôi da	24 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 6g	VD-25006-16

69. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma *(Đ/c: 26 Bis/1 Khu phố Trung, Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

69.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma *(Đ/c: 26 Bis/1 Khu phố Trung, Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
344	Bát trân	Mỗi viên chứa 267 mg cao khô dược liệu tương đương: Thục địa 364 mg; Đương quy 297,3 mg; Đảng sâm 242 mg; Bạch truật 242 mg; Bạch thược 202 mg; Bạch linh 175,7 mg; Xuyên khung 142 mg; Cam thảo 20 mg; Bột mịn dược liệu bao gồm: Đương quy 66,7 mg; Bạch linh 66,3 mg; Bạch thược 40 mg; Xuyên khung 40 mg; Cam thảo 20 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-25007-16

345	Cảm cúm-f	Mỗi viên chứa 174 mg cao khô dược liệu tương đương: Thanh cao 485 mg; Tía tô 273 mg; Kinh giới 273 mg; Địa liền 213 mg; Thích gia đằng 213 mg; Kim ngân hoa 173 mg; Bạc hà 90 mg; Bột mịn dược liệu bao gồm: Kim ngân hoa 100 mg; Thích gia đằng 60 mg; Thanh cao 60 mg; Địa liền 60 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-25008-16
346	Dạ dày tá tràng-f	Phèn chua 500 mg; Mai mực 274 mg; Cao khô Huyền hồ sách (tương đương Huyền hồ sách 126 mg) 40 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 40 viên	VD-25009-16
347	Ngân kiều giải độc	Mỗi viên chứa 150 mg cao khô dược liệu tương đương: Kim ngân hoa 284 mg; Liên kiều 284 mg; Cát cánh 240 mg; Đạm đậu xị 200 mg; Ngưu bàng tử 180 mg; Kinh giới 160 mg; Đạm trúc diệp 160 mg; Cam thảo 140 mg; Bạc hà 24 mg; Bột mịn dược liệu bao gồm: Kim ngân hoa 116 mg; Liên kiều 116 mg; Ngưu bàng tử 60 mg; Cam thảo 60 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-25010-16

70. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh *(Đ/c: B19, D6 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)*

70.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa linh *(Đ/c: Lô B3, Khu công nghiệp Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
348	Phúc can thanh	Cao khô dược liệu (12:1) 0,267g tương đương với: Long đởm 0,4g; Sài hồ 0,4g; Hoàng cầm 0,2g; Trạch tả 0,4g; Xa tiền tử 0,2g; Đương quy 0,2g; Cam thảo 0,2g; Nhân trần 0,4g; Actiso 0,4g; Chi tử 0,2g; Sinh địa 0,2g;	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-25011-16
349	Trường xuân bảo	Cao khô dược liệu (12:1) 0,32g tương đương với: Hương phụ 0,6g; Ích mẫu 0,6g; Ngải cứu 0,6g; Xuyên khung 0,4g; Đương quy 0,3g; Bạch thược 0,3g; Sinh địa 0,3g; Nhân sâm 0,2g; Bạch linh 0,2g; Bạch truật 0,2g; Cam thảo 0,15g;	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-25012-16

71. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn *(Đ/c: 511/15 Huỳnh Văn Bánh, Phường 14, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

71.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
350	Fexofenadin 120-HV	Fexofenadine HCl 120mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-25013-16

72. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Nhất *(Đ/c: Cụm CN Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Việt Nam)*

72.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Nhất *(Đ/c: Cụm CN Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
351	Bổ thận âm nhất nhất	Cao khô dược liệu (tương đương với: Thục địa 1500mg; Sơn thù 750mg; Hoài sơn 750mg; Mẫu đơn bì 600mg; Trạch tả 600mg; Phục linh 600mg; Mạch môn 600mg; Thạch hộc 450mg; Đỗ trọng 450mg; Ngưu tất 450mg) 520mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 12 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 30 viên, 60 viên	VD-25014-16

73. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo *(Đ/c: Số 13, đường 9A, KCN. Biên Hoà II, TP. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)*

73.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo *(Đ/c: Số 13, đường 9A, KCN. Biên Hoà II, TP. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
352	Tiram	Tiropramid HCl 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-25015-16

74. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Tam Long *(Đ/c: 103/109 Trường Chinh, P.Đồng Hòa, Q.Kiến An, Hải Phòng - Việt Nam)*

74.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Tam Long *(Đ/c: 103/109 Trường Chinh, P.Đồng Hòa, Q.Kiến An, Hải Phòng - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
353	Gelatin	Gelatin	Nguyên liệu làm thuốc	36 tháng	DĐVN IV	Bao 20kg	VD-25016-16

75. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Trường Khang *(Đ/c: 163/30 Thành Thái, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh -)*

75.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi *(Đ/c: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
354	Netilmicin 150 mg/50 ml	Netilmicin (dưới dạng Netilmicin sulfat) 150mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	TCCS	Hộp 1 túi 50 ml	VD-25017-16
355	Netilmicin 300 mg/100 ml	Netilmicin (dưới dạng Netilmicin sulfat) 300mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	TCCS	Hộp 1 túi 100 ml	VD-25018-16

76. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) *(Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

76.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) *(Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
356	Alphadaze - Nic	Chymotrypsin 4200 đơn vị USP	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 50 vỉ x 10 viên; Hộp 100 vỉ x 10 viên	VD-25019-16
357	Prednison Caps	Prednison 5mg	Viên nang cứng (vàng - cam)	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 200 viên; Chai 500 viên	VD-25020-16
358	Prednison Caps	Prednison 5mg	Viên nang cứng (xanh - trắng ngà)	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 200 viên; Chai 500 viên	VD-25021-16
359	Tinidazol	Tinidazol 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	VD-25022-16

77. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm VNP *(Đ/c: Ô 54, F3, khu đô thị Đại Kim, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

77.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội *(Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, Thường Tín, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
360	Dismolan 200mg/8ml	N-Acetylcystein 200mg/8ml	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, hộp 4 vỉ, hộp 6 vỉ, hộp 8 vỉ x 5 ống nhựa x 8ml	VD-25023-16

78. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm *(Đ/c: Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

78.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm *(Đ/c: Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
361	Azihasan 250	Azithromycin 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ x 6 viên; Hộp 10 vỉ x 6 viên	VD-25024-16
362	Effer - Acehasan 100	Acetylcystein 100mg	Viên nén sủi bọt	24 tháng	TCCS	Hộp 05 vỉ x 4 viên; Hộp 10 vỉ x 4 viên; Hộp 20 vỉ x 4 viên	VD-25025-16
363	Rosuvas Hasan 5	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium) 5mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-25026-16

79. Công ty đăng ký: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam. *(Đ/c: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM - Việt Nam)*

79.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam *(Đ/c: Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
364	Adefovir Stada 10 mg	Adefovir dipivoxil 10mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên	VD-25027-16
365	Sulpiride Stada 50 mg	Sulpirid 50 mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-25028-16
366	Trimetazidine Stada 35 mg MR	Trimetazidin dihydroclorid 35mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-25029-16

367	Valsartan Stada 160 mg	Valsartan 160mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-25030-16

79.2 Nhà sản xuất: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam. *(Đ/c: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
368	Acyclovir Stada cream	Mỗi tuýp 5g kem chứa: Acyclovir 250mg	Kem bôi da	24 tháng	BP 2012	Hộp 1 tuýp 5g	VD-25031-16
369	Albendazol Stada 400 mg	Albendazol 400mg	Viên nhai	48 tháng	DĐVN IV	Hộp 1 vỉ x 1 viên, hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-25032-16
370	Dibencozid Stada	Mỗi gói 1,5g cốm chứa: Dibencozid 2mg	Thuốc cốm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 1,5g	VD-25033-16
371	Nevitrio 30	Stavudin 30mg; Lamivudin 150mg; Nevirapin 200mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 60 viên	VD-25034-16
372	Partamol Tab.	Paracetamol 500mg	Viên nén	60 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 200 viên, chai 300 viên, chai 500 viên	VD-25035-16

80. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Liên doanh Hasan-Dermapharm *(Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

80.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Liên doanh Hasan-Dermapharm *(Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
373	Mibeplen 5mg	Felodipin 5 mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-25036-16
374	Parahasan	Paracetamol 150mg	Thuốc đạn	36	TCCS	Hộp 02 vỉ x 05	VD-25037-16

	Suppositories 150			tháng		viên; Hộp 05 vỉ x 05 viên	
375	Parahasan Suppositories 300	Paracetamol 300mg	Thuốc đạn	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 05 viên; Hộp 05 vỉ x 05 viên	VD-25038-16

81. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco *(Đ/c: 118 Vũ Xuân Thiều, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)*

81.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco *(Đ/c: 118 Vũ Xuân Thiều, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
376	Apharova	Spiramycin 1.500.000 IU	Viên nén bao phim	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 2 vỉ x 8 viên	VD-25039-16

82. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG *(Đ/c: Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang - Việt Nam)*

82.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG *(Đ/c: Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
377	Glumeron 30 MR	Gliclazid 30mg	Viên nén giải phóng có kiểm soát	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 20 viên	VD-25040-16
378	Hapenxin capsules	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat) 500mg	Viên nang cứng (xanh - tím)	24 tháng	DĐVN IV	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên	VD-25041-16
379	Levocetirizin	Levocetirizin dihydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-25042-16

83. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Phil Inter Pharma *(Đ/c: Số 20, đại lộ Hữu Nghị, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

83.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Phil Inter Pharma *(Đ/c: Số 20, đại lộ Hữu Nghị, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
380	Philcefin	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 35	Hộp 10 lọ; Hộp 1 lọ + 1 ống	VD-25043-16

		natri) 1g				nước cất pha tiêm 10ml	
381	Prascal	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1g	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 35	Hộp 10 lọ	VD-25045-16
382	Ribotacin	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 750mg	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 35	Hộp 10 lọ	VD-25046-16

83.2 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Phil Inter Pharma *(Đ/c: Số 25, Đường số 8, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
383	Philurso	Acid ursodeoxycholic 50mg; Thiamin nitrat 10mg; Riboflavin 5mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 12 vỉ x 5 viên	VD-25044-16

84. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Phil Inter Pharma *(Đ/c: Số 25, Đường số 8, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

84.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Phil Inter Pharma *(Đ/c: Số 20, đại lộ Hữu Nghị, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
384	Taericon	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat) 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	USP 35	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-25047-16

85. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Reliv pharma *(Đ/c: 22H1 đường số 40, khu dân cư Tân Quy Đông, phường Tân Phong, quận 7, tp. HCM - Việt Nam)*

85.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Đồng Nai. *(Đ/c: 221B Phạm Văn Thuận, p. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
385	Nasomom - 4 tinh dầu	Mỗi chai 70ml chứa: Natri clorid 630mg	Dung dịch vệ sinh mũi	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 70ml	VD-25048-16

386	Nasomom - 4 tinh dầu trẻ em	Mỗi chai 70ml chứa: Natri clorid 630mg	Dung dịch vệ sinh mũi	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 70ml	VD-25049-16
387	Nasomom trẻ em	Mỗi chai 70ml chứa: Natri clorid 630mg	Dung dịch vệ sinh mũi	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 70ml	VD-25050-16

86. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Robinson Pharma USA *(Đ/c: 63A, Lạc Long Quân, P10, Q. Tân Bình, TP. HCM - Việt Nam)*

86.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
388	Robcipro	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-25051-16
389	Robnadol	Paracetamol 500mg	Viên nang cứng (tím - tím)	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Chai 200 viên	VD-25052-16
390	Robvita C	Vitamin C (Acid ascobic) 500mg	Viên nang cứng (đen - cam bạc)	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Chai 100 viên nang cứng	VD-25053-16

87. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam *(Đ/c: Số 16, đường số 5, KCN. Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

87.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam *(Đ/c: Số 16, đường số 5, KCN. Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
391	Remos IB	Mỗi 10 g chứa: Allantoin 20mg; Crotamiton 500mg; Isopropylmethylphenol 10mg; L-Menthol 350mg; Prednisolon valerat acetat 15mg	Gel bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10 gam	VD-25054-16

88. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam *(Đ/c: 123 Nguyễn Khoái, quận 4, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

88.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam *(Đ/c: 123 Nguyễn Khoái, quận 4, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
392	Phenergan	Promethazin (tương đương Promethazin HCl 0,113g) 0,1g	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 90ml	VD-25055-16

89. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Shine Pharma *(Đ/c: 3/38/40 Thành Thái, P.14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

89.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun *(Đ/c: 521 An Lợi, Hòa Lợi, Bến Cát, Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
393	Dagroc	Dutasterid 0,5mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-25056-16

90. Công ty đăng ký: Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam *(Đ/c: Số 3A - Đường Đặng Tất - Phường Tân Định - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

90.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam *(Đ/c: Số 60 - Đại lộ Độc lập - KCN Việt Nam-Singapore - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
394	Abochlorphe	Chlorpheniramin maleat 4mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Lọ 500 viên	VD-25057-16
395	Chlorpheniramin	Chlorpheniramin maleat 4mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Lọ 500 viên, lọ 1000 viên	VD-25058-16
396	Rutin-Vitamin C	Rutin 50mg; Acid ascorbic 50mg	Viên nén bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-25059-16
397	Tanadotuxsin	Paracetamol 500mg; Phenylephrin HCl 5mg; Dextromethorphan HBr 15mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 100 viên	VD-25060-16
398	Tanamaloxy	Nhôm hydroxyd gel khô 200mg; Magnesi hydroxyd 200mg	Viên nén nhai	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 8 viên	VD-25061-16

399	Tidacotrim	Sulfamethoxazol 400mg; Trimethoprim 80mg	Viên nén bao phim (màu trắng)	36 tháng	TCCS	Lọ 150 viên	VD-25062-16
400	Vitamin B1	Thiamin mononitrat 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Lọ 100 viên nang	VD-25063-16

91. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam *(Đ/c: 636 Nguyễn Tất Thành, Phường 9, TP. Tuy Hòa, Phú Yên - Việt Nam)*

91.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam *(Đ/c: 636 Nguyễn Tất Thành, Phường 9, TP. Tuy Hòa, Phú Yên - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
401	Izac syrup	Mỗi 5ml chứa: Ambroxol HCl 15mg	Sirô	36 tháng	TCCS	Chai 30ml; chai 60ml	VD-25064-16

92. Công ty đăng ký: Công ty TNHH thương mại Nga Việt *(Đ/c: 644/2 đường 3/2 phường 14, quận 10, Tp. HCM - Việt Nam)*

92.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương *(Đ/c: 102 Chi Lăng, thành phố Hải Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
402	Aquadia	Cao khô hỗn hợp dược liệu 525mg tương đương với: Tri mẫu 1,33g; Thiên hoa phấn 1,33g; Hoài sơn 1,33g; Hoàng kỳ 1g; Cát căn 1g; Ngũ vị tử 0,67g	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên, hộp 2 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên	VD-25065-16

93. Công ty đăng ký: Công ty TNHH United International Pharma *(Đ/c: Số 16 VSIP II - Đường số 7 - Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II - Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương - Phường Hòa Phú - Tp. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

93.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH United International Pharma *(Đ/c: Số 16 VSIP II - Đường số 7 - Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II - Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương - Phường Hòa Phú - Tp. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
403	Kremil Gel	Mỗi gói 20ml chứa: Nhôm hydroxyd 356mg; Magnesi hydroxyd 466mg; Simethicon 20mg	Gel uống	24 tháng	TCCS	Hộp 30 gói x 20ml	VD-25066-16

94. Công ty đăng ký: GlaxoSmithKline Pte Ltd *(Đ/c: 150 Beach Road, # 21-00 Gateway West, Singapore 189720, Singapore - Singapore)*

94.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi *(Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
404	Domperidone GSK 10mg	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-25067-16

CỤC TRƯỞNG

Trương Quốc Cường